

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 24/12/2021

V/v: “Tranh chấp về thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thơm

2. Ông Nguyễn Thành Lam

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 24 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019; Về việc: “*Tranh chấp về thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc mở phiên tòa số: 02/2021/TB-TA ngày 01/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Ph, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số 235/2 ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1967

Địa chỉ: số 235/2B ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1960

Địa chỉ: số 398/2 ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960

Địa chỉ: số 235/2A ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

3. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1998

Địa chỉ: số 235/2 ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1970

Địa chỉ: số 235/2 ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T, bà Nh và bà L vắng mặt; bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/9/2019 các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Minh Ph trình bày:

Ông bà nội anh Nguyễn Minh Ph là cụ ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1939 chết năm 2007 và cụ bà Phạm Thị S, sinh năm 1937 chết năm 1992 hai cụ có bốn người con là bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Anh T. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hay con riêng. Hai cụ chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản, di sản do hai cụ để lại gồm diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 và diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị Nh và hai con là anh (Nguyễn Minh Ph), chị Nguyễn Thị Thu T, ông T chết năm 2003 không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản. Ông T không có nuôi hay con riêng.

Sau khi bà nội chết thì ông nội cùng các bác của anh Ph đã chia cho cha anh là ông Nguyễn Anh T được nhận một phần diện tích đất trong tổng diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18. Khoảng năm 1996 thì cha anh đã xây dựng căn nhà cấp bốn trên phần diện tích đất được ông bà cho, nhà có kết cấu mái lợp tôn, nền gạch men, tường gạch và tráng xi măng. Qua đo đạc phần đất cha anh được nhận có diện tích 198 m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3133/2018 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Đồng thời, các bác của anh cũng được chia một phần đất trong diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18. Cụ thể, bà N được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 243,1 m² thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3134 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất; bà L được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 154,6 m² thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,...,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3132 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất và bà T được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 190,4 m² thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,...,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3131 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất.

Do anh và chị T là người thừa kế thế vị của cha là ông Nguyễn Anh T nên anh Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông bà nội anh để lại đối với diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 cho bốn người gồm bà N, bà L, bà T và ông T cha của anh. Trong 784 m² đất có 300 m² đất thổ cư còn lại là đất nông nghiệp nên anh yêu cầu chia đều phần đất thổ cư cho bà N, bà L, bà T và ông T cha của anh. Anh yêu cầu Tòa án chia cho anh và chị T được nhận di sản bằng hiện vật là diện tích 198 m² đất (trong đó, có 75 m² đất thổ cư còn lại là đất nông nghiệp) thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa

chính số 3133/2018 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất.

Đối với di sản là diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thì ngày 31/8/2020 anh Ph có bản tường trình và đơn về việc không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng mà anh Ph đã nộp để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và chi phí định giá là 41.965.783đ (bốn mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi ba đồng). Tổng số tiền là 43.965.783đ (bốn mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi ba đồng), anh Ph yêu cầu Tòa án chia đều số tiền chi phí tố tụng và buộc các hàng thừa kế của cụ V, cụ S có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh.

Ngoài ra, anh Ph không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 15/01/2020, các lời khai tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Cha mẹ của bà N là cụ ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1939 chết năm 2007 và cụ bà Phạm Thị S, sinh năm 1937 chết năm 1992. Bà N thừa nhận phần trình bày của anh Ph về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ V và cụ S như trên là đúng. Sau khi cha mẹ chết thì bà N cùng các anh chị em chia di sản do cha mẹ để lại đối với diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18. Cụ thể, bà N được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 243,1 m² thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3134 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất; bà L được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 154,6 m² thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,...6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3132 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất; bà T được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 190,4 m² thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,...6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3131 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất và ông T được chia một phần đất qua đo đạc có diện tích 198 m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3133/2018 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất.

Sau khi chia đất thì bà N, bà L và ông T đã xây nhà trên đất và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Đối với di sản là diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thì bà N đã bán vào khoảng năm 2012.

Nay anh Ph là người thừa kế thế vị của cha là ông Nguyễn Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ V và cụ S để lại đối với diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18. Anh Ph yêu cầu Tòa án chia cho anh và chị T được nhận di sản bằng hiện vật là diện tích 198 m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3133/2018 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất thì bà N đồng ý. Bà N xin được nhận di sản bằng hiện vật là diện tích 243,1

m² thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3134 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất.

Ngoài các ý kiến hay yêu cầu đã trình bày trên thì bà N không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 12/4/2021, các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha mẹ của bà L là cụ ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1939 chết năm 2007 và cụ bà Phạm Thị S, sinh năm 1937 chết năm 1992. Bà L thừa nhận phần trình bày của bà N và anh Ph về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ V và cụ S như trên là đúng. Năm 1993 cha bà là cụ ông Nguyễn Văn V có nói miệng chia cho bà diện tích 118 m² đất trong tổng diện tích 784 m² đất. Ngày 10/11/2004 cụ V cùng bà T, bà N họp gia đình chia cho bà diện tích 118 m² đất có lập biên bản họp gia đình vào ngày 10/11/2004. Qua đo đạc đất có diện tích 154,6 m² thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3132 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Nay anh Ph là người thừa kế thế vị của cha là ông Nguyễn Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ V và cụ S để lại đối với diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 cho các anh chị em trong gia đình thì bà L đồng ý.

Bà L đồng ý tiếp tục được nhận diện tích 154,6 m² thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3132 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Do bà L nhận phần di sản có diện tích đất ít hơn những người khác nên bà L yêu cầu người nhận phần đất nhiều hơn (bà N) có nghĩa vụ thanh toán lại bằng giá trị cho bà L. Ngoài ra, bà L không còn yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 01/4/2020, các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Cha mẹ của bà T là cụ ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1939 chết năm 2007 và cụ bà Phạm Thị S, sinh năm 1937 chết năm 1992. Bà T thừa nhận phần trình bày của anh Ph về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ V và cụ S như trên là đúng. Năm 1994 sau khi cụ S chết thì cha bà là cụ ông Nguyễn Văn V cùng các con đã phân chia diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 thành 04 phần cho 04 người con, cụ thể 04 người con được chia phần đất như anh Ph trình bày ở trên là đúng. Cụ V và cụ S khi chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản đối với ai.

Nay anh Ph là người thừa kế vị của cha là ông Nguyễn Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ V và cụ S để lại đối với diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 cho các anh chị em trong gia đình thì bà T đồng ý. Bà T đồng ý được nhận diện tích 190,4 m² đất (trong đó có 75 m² đất thổ cư còn lại là đất nông nghiệp) thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3131 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Mặc dù, bà T nhận phần di sản có diện tích đất ít hơn những người khác là bà N và các con của ông T nhưng bà T

không yêu cầu người nhận phần đất nhiều hơn có nghĩa vụ thanh toán lại bằng giá trị cho bà. Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với các khoản chi phí ma chay mà bà T đã lo khi cụ V, cụ S chết.

Ngoài ra, bà T không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 31/8/2020, các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Nh đồng ý nhất trí với các ý kiến và yêu cầu của anh Nguyễn Minh Ph trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, chị Th và bà Nh không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Căn cứ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành. Tòa án và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Việc xác định quan hệ pháp luật đối với vụ án được thực hiện đúng quy định, việc gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo luật định.

Về nội dung: Cụ ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1939 chết năm 2007 và cụ bà Phạm Thị S, sinh năm 1937 chết năm 1992 hai cụ có bốn người con là bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Anh T. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hay con riêng. Hai cụ chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản, di sản do hai cụ để lại gồm diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 và diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị Nh và hai con là anh (Nguyễn Minh Ph) và chị Nguyễn Thị Thu T, ông T chết năm 2003 không để lại di chúc. Ông T không có nuôi hay con riêng.

Đối với diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 tại xã Gi, huyện Thống Nhất nguyên đơn và các đồng thừa kế không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trong vụ án đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ V và cụ S theo pháp luật đối với diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Theo kết quả thẩm định giá ngày 10/5/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai xác định tổng diện tích 786,1m², có giá trị 6.102.700.000 đồng, các diện tích đất mà những người được hưởng di sản thừa kế đang quản lý và sử dụng đều có giá trị đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm là như nhau.

Vì vậy, căn cứ Điều 674; 675; 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167; 179 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật.

- Chia cho anh Nguyễn Minh Ph và chị Nguyễn Thị Thu T thừa đất số 421, tờ số 24, diện tích 198 m², được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 1), gồm có 75 m² đất thổ cư và 123 m² đất trồng cây lâu năm.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc N thừa đất số 422, tờ bản đồ số 24, diện tích 243,1 m² đất được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 1), gồm có 75 m² đất thổ cư và 168,1 m² đất trồng cây lâu năm.

- Chia cho bà Nguyễn Thị L thừa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 154,6 m² đất được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 1), gồm có 75 m² đất thổ cư và 79,6 m² đất trồng cây lâu năm.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Kim T thừa đất số 168a, tờ bản đồ số 24, diện tích 190,4 m² đất, được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 1), gồm có 75 m² đất thổ cư và 115,4 m² đất trồng cây lâu năm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L giá trị diện tích đất được nhận nhiều hơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc chấm dứt ủy quyền của các đương sự: Ngày 28/02/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Minh Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thu T có văn bản ủy quyền cho ông Ngô Đình X. Ngày 14/12/2021 anh Ph, chị Th và bà Nh có văn bản chấm dứt việc ủy quyền với ông X, ngày 15/12/2021 ông X có văn bản đồng ý chấm dứt nhận ủy quyền của anh Ph, chị T và bà Nh. Xét việc chấm dứt ủy quyền của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ngày 19/4/2021 bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 133); ngày 16/12/2021 chị Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt và ngày 17/12/2021 anh Nguyễn Minh Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Ph, chị T, bà Nh và bà L.

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Ph thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về thừa kế” được quy định tại Điều 631 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N có nơi cư trú tại số 235/2B ấp G, xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và đối tượng tranh chấp trong vụ án là diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 tại xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất có thẩm quyền giải quyết.

[5] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Nguyễn Minh Ph là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Ngọc N là bị đơn; bà

Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Nh và chị Nguyễn Thị Thu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 623; điểm d, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên không đặt ra để xem xét.

[7] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí, quyền kháng cáo thì áp dụng các Điều 26, 35, 39, 68, 77, 147, 158, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 631, 674, 675, 676 và 677 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 623, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167, 179 Luật Đất đai 2013

[8] Về đường lối giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Ph, các ý kiến yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thấy căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cơ sở xác định: Cụ ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1939 chết năm 2007 và cụ bà Phạm Thị S, sinh năm 1937 chết năm 1992 hai cụ có bốn người con là bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Anh T. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hay con riêng. Hai cụ chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản, di sản do hai cụ để lại gồm diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 và diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Do cụ V và cụ S chết không để lại di chúc, căn cứ Điều 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự 2005 di sản do hai cụ để lại được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là bà N, bà L, bà T và ông T.

Sau khi cụ V và cụ S chết các hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm bà L, bà N, bà T và ông T đã được chia một phần đất trong tổng diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18. Bà L, bà N và ông T đã đầu tư xây nhà trên đất và sử dụng ổn định cho đến nay. Qua đo đạc thì phần đất bà N được chia có diện tích 243,1 m² thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3134 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất; phần đất bà L được chia có diện tích 154,6 m² thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3132 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất; phần đất ông T được chia có diện tích 198 m² đất (trong đó, có 75 m² đất thổ cư còn lại là đất nông nghiệp) thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3133/2018 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất và phần đất bà T được chia có diện tích 190,4 m² thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3131 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị Nh và hai con là anh Nguyễn Minh Ph và chị Nguyễn Thị Thu T, ông T chết năm 2003 không để lại di chúc. Ông T không có con nuôi hay con riêng, căn cứ Điều 677 Bộ luật Dân sự 2005 anh Ph và chị T được hưởng phần di sản mà ông T được hưởng nếu còn sống. Quá trình giải quyết vụ án, thì anh Ph, chị T cùng bị đơn bà N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, bà T đều đồng ý được

nhận phần di sản là diện tích như đã được đo đạc. Xét ý kiến, yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Di sản thừa kế là diện tích 784 m² đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 có 300 m² đất thổ cư và 484 m² đất cây lâu năm theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (BL 184b), nguyên đơn yêu cầu chia đều diện tích 300 m² đất thổ cư cho các hàng thừa kế thứ nhất của cụ V và cụ S. Cụ thể, bà N, bà L, bà T và ông T mỗi người được nhận 75 m² đất thổ cư ($300 \text{ m}^2 : 4$) còn lại đất nông nghiệp trong diện tích đất mà mỗi người được nhận. Xét yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Đối với di sản là diện tích 1.396 m² đất thuộc thửa 32, diện tích 614 m² đất thuộc thửa 33, diện tích 2.333 m² đất thuộc thửa 36 cùng tờ bản đồ số 03 tại xã Gi, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thì ngày 31/8/2020 anh Ph có bản tường trình và ngày 30/9/2020 anh Ph có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết (BL 105, 115). Các đương sự khác cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà N là người nhận phần di sản có diện tích đất nhiều hơn phải thanh toán lại giá trị cho bà theo giá đất mà Hội đồng định giá đã định giá. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị đất cho bà L đối với phần diện tích bà L nhận thừa kế còn thiếu. Cụ thể tổng phần đất là di sản có diện tích sau khi đo đạc là 786,1 m² đất chia 04 thì mỗi kỳ phần thừa kế được nhận di sản là 196,525 m² đất. Hiện bà N đang quản lý, sử dụng di sản có diện tích 243,1 m² đất và bà L đang quản lý, sử dụng di sản có diện tích 154,6 m² đất nên bà N có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tương đương với diện tích đất bà L còn thiếu là 41,925 m² đất ($196,525 \text{ m}^2 - 154,6 \text{ m}^2$).

Đối với yêu cầu của bà T về việc không yêu cầu người nhận di sản có diện tích đất nhiều hơn phải thanh toán lại giá trị đất cho bà và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với các khoản chi phí ma chay mà bà đã lo cho cụ V và cụ S khi chết. Xét ý kiến, yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Xét đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

[13] Về chi phí tố tụng:

[13.1] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng số tiền là 43.965.783đ (bốn mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi ba đồng) do nguyên đơn tạm ứng, xét ý kiến của anh Ph yêu cầu Tòa án chia đều số tiền chi phí tố tụng và buộc các hàng thừa kế của cụ V, cụ S có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[14] Về án phí: Các đương sự anh Nguyễn Minh Ph, chị Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim T được miễn án phí dân sự theo quy định.

[15] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 68, 77, 147, 158, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 631, 674, 675, 676 và 677 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 623, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167, 179 Luật Đất đai 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Ph về việc “Tranh chấp về thừa kế” với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thu T. Chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn V và cụ Phạm Thị S để lại theo pháp luật đối với diện tích 784 m² đất (trong đó có 300 m² đất thổ cư và 484 m² đất cây lâu năm) thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 18 tại xã Gi, huyện Thống Nhất (sau đo đạc đất có diện tích 786,1 m²).

[2.2] Chia cho anh Nguyễn Minh Ph và chị Nguyễn Thị Thu T được nhận diện tích 198 m² đất (trong đó, có 75 m² đất thổ cư và 123 m² đất cây lâu năm) thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3133/2018 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Th, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L và phía Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc N.

[2.3] Chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận diện tích 243,1 m² đất (trong đó, có 75 m² đất thổ cư và 168,1 m² đất cây lâu năm) thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3134 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Th, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Minh Ph, chị Nguyễn Thị Thu T và phía Nam giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim T.

[2.4] Chia cho bà Nguyễn Thị L được nhận diện tích 154,6 m² đất (trong đó, có 75 m² đất thổ cư và 79,6 m² đất cây lâu năm) thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3132 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Th, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp đất ông Phạm Văn Q và phía Nam giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Minh Ph, chị Nguyễn Thị Thu T.

[2.5] Chia cho bà Nguyễn Thị Kim T được nhận diện tích 190,4 m² đất (trong đó, có 75 m² đất thổ cư và 115,4 m² đất cây lâu năm) thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 24 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo trích lục và chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 3131 ngày 10/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Thống Nhất. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Th, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc N và phía Nam giáp phần đất bà Phạm Thị H.

[3] Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[4] Bà Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L giá trị diện tích đất được nhận nhiều hơn là 41,925 m² thành tiền là 293.475.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) (41,925 m² x 7.000.000đ/1m² đất).

[5] Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà Nguyễn Thị Kim T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Nguyễn Minh Ph số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 10.991.000đ (Mười triệu, chín trăm chín mươi một ngàn đồng) (43.965.783đ : 4)

[7]. Về án phí:

[7.1] Anh Nguyễn Minh Ph và chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) [36.000.000đ + (3% x 736.000.000đ)], khấu trừ vào số tiền tạm ứng án anh Nguyễn Minh Ph đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0007745 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Anh Ph và chị T còn phải nộp 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 58.746.700đ (năm mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, bảy trăm đồng) [36.000.000đ + (3% x 758.225.000đ)]

[7.3] Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim T do bà L và bà T là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Nhbgf được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Thống Nhất;
- CCTHADS h. Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường